1. **Đặc tả usecase**
2. **Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Đăng nhập |
| Mô tả | Người dùng đăng nhập vào hệ thống. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho, nhân viên tư vấn khách hàng. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng mở phần mềm quản lý kho hàng điện thoại. |
| Tiền điều kiện | Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống và có thể truy cập các chức năng tương ứng với quyền của họ. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập. 2. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu. 3. Người dùng nhấn nút đăng nhập. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập. 5. Hệ thống cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống và thực hiện các chức năng tương ứng với nhóm quyền của người dùng đó |
| Luồng sự kiện ngoại lệ | Người dùng quên mật khẩu và chọn chức năng “Quên mật khẩu” để khôi phục. |

1. **Đăng xuất**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Đăng xuất |
| Mô tả | Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho, nhân viên chăm sóc khách hàng. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn đăng xuất ra khỏi hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào trong hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Người dùng đăng xuất thành công khỏi hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng đăng xuất thành công khỏi hệ thống. Người dùng chọn chức năng đăng xuất. 2. Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống và trở về màn hình đăng nhập. |

1. **Quản lý sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quản lý sản phẩm |
| Mô tả | Người dùng quản lý thông tin sản phẩm của hệ thống quản lý kho hàng điện thoại theo mã IMEI. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng có thể thêm, sửa, xóa, tìm kiếm thông tin sản phẩm. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với nhóm quyền được phép thao tác trên chức năng quản lý nhà cung cấp. |
| Hậu điều kiện | Thông tin sản phẩm được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Quản lý kho chọn chức năng "Quản lý sản phẩm".  2. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm có trong kho hàng.  3. Tiếp theo Quản lý kho có thể thực hiện các hành động sau:  - Thêm sản phẩm mới vào kho hàng bằng cách nhập thông tin sản phẩm, bao gồm mã IMEI, tên sản phẩm, giá, số lượng, nhà sản xuất, mô tả.  - Sửa thông tin sản phẩm hiện có trong kho hàng bằng cách chọn sản phẩm cần sửa, sau đó thay đổi thông tin sản phẩm và lưu lại.  - Xóa sản phẩm khỏi kho hàng bằng cách chọn sản phẩm cần xóa và xác nhận.  - Tìm kiếm sản phẩm theo mã IMEI hoặc tên sản phẩm. |

1. **Quản lý thuộc tính sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiều đề | Quản lý thuộc tính sản phẩm |
| Mô tả | Người dùng quản lý thuộc tính sản phẩm bao gồm quản lý dung lượng RAM, ROM, thương hiệu, màu sắc, hệ điều hành, xuất xứ, ... |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng có thể thêm, sửa, xóa các thuộc tính của sản phẩm. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với nhóm quyền được phép thao tác trên chức năng quản lý thuộc tính sản phẩm. |
| Hậu điều kiện | Thông tin sản phẩm được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Quản lý kho chọn chức năng "Quản lý sản phẩm".  2. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm có trong kho hàng. Nhân viên quản lý kho hàng chọn sản phẩm cần quản lý và chọn chức năng "Quản lý cấu hình sản phẩm".  3. Hệ thống hiển thị thông tin thuộc tính của sản phẩm. Quản lý kho có thể thực hiện các hành động sau:   * Lựa chọn thuộc tính muốn thêm, sửa, hoặc xóa. * Thêm thông tin thuộc tính phù hợp với sản phẩm hiện có trong kho bao gồm thương hiệu, xuất xứ, hệ điều hành, ram, rom, màu sắc. * Sửa thông tin cấu hình sản phẩm hiện có bằng cách chọn thông tin thuộc tính và thay đổi giá trị, sau đó lưu lại. * Xóa thông tin thuộc tính sản phẩm khỏi sản phẩm bằng cách chọn thông tin thuộc tính cần xóa và xác nhận. |

1. **Quản lý khu vực kho**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quản lý khu vực kho |
| Mô tả | Người dùng quản lý khu vực kho. |
| Tác nhân | Quản lý kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thêm, chỉnh sửa, xoá khu vực kho. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với nhóm quyền được thao tác trên chức năng quản lý khu vực kho. |
| Hậu điều kiện | Thông tin khu vực kho được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn chức năng quản lý khu vực kho 2. Người dùng chọn chức năng thêm khu vực kho và nhập thông tin khu vực kho bao gồm: tên khu vực kho, ghi chú. 3. Người dùng nhấn tạo khu vực kho 4. Hệ thống kiểm tra thông tin khu vực kho có hợp lệ không 5. Nếu hợp lệ thì hệ thống thêm khu vực kho vào cơ sở dữ liệu |
| Luồng sự kiện thay thế | 1. Người dùng chỉnh sửa thông tin khu vực kho. 2. Người dùng xóa khu vực kho. |

1. **Quản lý nhà cung cấp**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quản lý nhà cung cấp |
| Mô tả | Người dùng quản lý thông tin nhà cung cấp. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thêm, xóa, sửa hoặc xem thông tin nhà cung cấp. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với nhóm quyền được phép thao tác trên chức năng quản lý nhà cung cấp. |
| Hậu điều kiện | Thông tin nhà cung cấp được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn chức năng quản lý nhà cung cấp. 2. Người dùng thêm mới, chỉnh sửa hoặc xoá nhà cung cấp và cập nhật thông tin về tên nhà cung cấp. |

1. **Quản lý nhập hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quản lý nhập hàng |
| Mô tả | Người dùng quản lý thông tin phiếu nhập hàng hóa vào kho. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thêm mới, chỉnh sửa, xóa hoặc xem thông tin phiếu nhập hàng hoá. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu nhập được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn chức năng quản lý phiếu nhập. 2. Người dùng thêm mới phiếu nhập và nhập thông tin về sản phẩm, số lượng, giá nhập, ngày nhập. |
| Luồng sự kiện thay thế | Người dùng chỉnh sửa hoặc xóa thông tin phiếu nhập. |

1. **Quản lý xuất hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quản lý xuất hàng |
| Mô tả | Người dùng quản lý thông tin phiếu xuất hàng hoá ra kho. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thêm mới, chỉnh sửa, xóa hoặc xem thông tin phiếu xuất hàng hoá. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Thông tin phiếu xuất được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn chức năng quản lý phiếu xuất. 2. Người dùng thêm mới phiếu xuất và nhập thông tin về sản phẩm, số lượng, giá xuất, ngày xuất. |
| Luồng sự kiện thay thế | Người dùng chỉnh sửa hoặc xóa thông tin phiếu xuất. |

**Quản lý kiểm kê kho hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quản lý kiểm kê kho hàng |
| Mô tả | Người dùng thực hiện kiểm kê hàng hóa trong kho. |
| Tác nhân | Quản lý kho, nhân viên kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thực hiện kiểm kê hàng hóa trong kho. |
| Tiền điều kiện | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Thông tin kiểm kê được cập nhật thành công trong hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | Người dùng chọn chức năng kiểm kê kho hàng.  Người dùng nhập thông tin về sản phẩm, số lượng kiểm kê, ngày kiểm kê. |

1. **Quản lý doanh thu**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu đề | Quảm lý doanh thu |
| Mô tả | Người dùng giám sát và phân tích doanh thu của các sản phẩm điện thoại trong kho. |
| Tác nhân | Quản lý kho. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thống kê, quan sát doanh thu của các sản phẩm có trong kho. |
| Tiền điều kiện | Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống với nhóm quyền được thao tác trên chức năng “Quản lý doanh thu”. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Quản lý kho chọn chức năng "Quản lý doanh thu". 2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm điện thoại và tổng doanh thu của từng sản phẩm. 3. Quản lý kho có thể xem chi tiết doanh thu của từng sản phẩm bằng cách chọn sản phẩm cần xem. 4. Hệ thống hiển thị biểu đồ thống kê doanh thu của sản phẩm theo thời gian (tháng, quý, năm). 5. Quản lý kho có thể phân tích hiệu quả của các chiến dịch bán hàng bằng cách so sánh doanh thu trước và sau khi thực hiện chiến dịch. 6. Quản lý kho có thể xác định sản phẩm bán chạy nhất trong kho và đưa ra các quyết định về sản xuất và quảng cáo để tăng doanh thu. 7. Quản lý kho có thể quản lý và phân tích lợi nhuận của từng sản phẩm bằng cách tính toán lợi nhuận từng sản phẩm dựa trên chi phí sản xuất và chi phí khác. 8. Quản lý kho có thể lưu lại các báo cáo doanh thu để sử dụng cho mục đích phân tích và quản lý trong tương lai. |